

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 24-02-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Võ Thị Thúy An.

2. Bà Nguyễn Thị Diên.

-Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/01/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

* Bị đơn: Anh Danh M, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Thị B, sinh năm 1965, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh M qua thời gian tìm hiểu, được sự thống nhất của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B theo đúng quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh M thường có những lời lẽ thô tục mắng chửi đánh đập vợ con. Chị H đã nhiều lần nhẫn nhịn, chịu đựng và tha thứ nhưng anh M vẫn không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Chị H thấy mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục duy trì nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 đứa con chung là Thị Ngọc X, sinh ngày 04/9/2010, giới tính nữ; Thị Kim X, sinh ngày 10/11/2015 giới tính nữ và Danh Nguyễn Ngọc T sinh ngày 18/5/2019 giới tính nam. Các con hiện đang sống với anh M, nay ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi 02 con là Danh Nguyễn Ngọc T và Thị Ngọc X, giao cháu Thị Kim X cho anh M nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ngày 27/11/2020 Chị H trình bày ý kiến là giao quyền nuôi các con lại cho anh M, chị không phải cấp dưỡng các nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 19/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Danh M trình bày: Anh xác định lời trình bày của chị H về quá trình hôn nhân con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Chị H tự ý bỏ nhà đi để các con lại cho anh nuôi đã gần 10 tháng; từ khi vợ chồng chung sống thì chị H đã nhiều lần bỏ nhà đi chứ không phải mới đi lần đầu. Anh M xác định vẫn còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Anh yêu cầu chị H quay về để vợ chồng cùng chung sống lo cho các con.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 đứa con chung là Thị Ngọc X, sinh ngày 04/9/2010, giới tính nữ; Thị Kim X, sinh ngày 10/11/2015 giới tính nữ và Danh Nguyễn Ngọc T sinh ngày 18/5/2019 giới tính nam. Hiện nay anh M đang nuôi dưỡng các con, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi các con yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con một cháu 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị B trình bày: Bà xác định hiện nay bà đang trông nom 03 đứa con của chị H và anh M chi phí nuôi các cháu thì do Danh M cung cấp một tháng chi phí khoảng 3.000.000 đồng. Nay chị H yêu cầu ly hôn bà không có ý kiến gì, còn việc chị H yêu cầu nuôi 02 con thì bà không đồng ý vì chị H đi làm thuê phải ở trọ không đủ điều kiện để nuôi con. Bà xác định việc bà nuôi các cháu thì bà không có yêu cầu

gì trong vụ kiện này, con là do Danh M nuôi dưỡng bà chỉ trông coi cháu tiếp con bà thôi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt những quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, người có liên quan có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt chị H, bà B.

Về nội dung vụ án: Chị H và anh M kết hôn năm 2009 có đăng ký kết theo quy định của pháp luật, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Gia đình và Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải, tạo điều kiện chị H và anh M hàn gắn nhưng không thành. Chị H xin ly hôn với anh M, anh M không đồng ý, qua xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh M cho thấy đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H đối với anh Danh M.

Về con chung: Chị H và anh M xác định anh chị có ba con chung là Thị Ngọc X, sinh ngày 04/9/2010, Thị Kim X, sinh ngày 10/11/2015 và Danh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 18/05/2019, (Hiện 03 con đang sống chung với anh M và bà B), chị H đồng ý giao 03 con cho anh M nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh M yêu cầu nuôi 03 con chung, yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung là mỗi đứa 2.000.000đ/tháng, 03 đứa 6.000.000đ/tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Xét thấy, hiện nay 03 cháu sống cùng anh M cuộc sống được bảo đảm, chị H đồng ý giao con cho anh M nuôi, nên căn cứ điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao ba con chung cho anh M nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh M yêu cầu chị H cấp dưỡng mỗi đứa 2.000.000đ/tháng, 03 đứa 6.000.000đ/tháng. Xét thấy, yêu cầu của anh M quá cao so với thu nhập hiện tại của chị H. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 quy định về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn Luật hôn nhân gia đình 2014 như sau: “.... *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con...*”. Thiết nghĩ để đảm bảo các nhu cầu thiết yếu tối thiểu hàng ngày và học tập cho các cháu trong giai đoạn hiện tại cũng như tương lai sau này, buộc chị H cấp dưỡng cho mỗi đứa con là 800.000đ/tháng/1 con, 03 con 2.400.000đ/tháng, cấp dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Từ những phân tích như trên căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H đối với anh Danh M. Về con chung: Giao Thị Ngọc X, sinh ngày 04/9/2010, Thị Kim X, sinh ngày 10/11/2015 và Danh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 18/05/2019, cho anh M nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi

con: buộc chị H cấp dưỡng cho mỗi đứa con là 800.000đ/tháng/1 con, 03 con 2.400.000đ/tháng, cấp dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H, người có quyền lợi liên quan bà Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của chị H, bà B không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và bà B.

Nguyên đơn chị H yêu cầu ly hôn với bị đơn anh M và có yêu cầu nuôi con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”; chị H yêu cầu ly hôn với anh M, anh M có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh M xác lập quan hệ hôn nhân năm 2009, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải nhưng vẫn không thể hàn gắn mặc dù anh chị đã có thời gian dài để cùng nhau hàn gắn nhưng vẫn không thành và hơn nữa anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2019. Nay chị H xác định không còn tình cảm với chồng, chị cương quyết yêu cầu ly hôn và anh M xác định còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Xét lời trình bày của anh M về quá trình hôn nhân của anh và chị H thấy rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và chị H đã bỏ nhà đi rất nhiều lần, từ khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án cũng tạo điều kiện để anh chị tự hòa giải mâu thuẫn nhưng chị H không đồng ý hòa giải và đã làm đơn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tại phiên tòa anh M trình bày hiện nay anh không biết chị H đang ở đâu, chị H không

muốn liên lạc với anh nên anh không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu chị H không về thì cuộc sống hôn nhân của anh không thể kéo dài nhưng anh không muốn ly hôn mà chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con theo yêu cầu của anh. Nếu ly hôn chị H không về cấp dưỡng cho các con nên anh không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy anh M không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh không thể gặp chị H để giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng. Mặc khác lý do anh không đồng ý ly hôn là anh sợ chị H không cấp dưỡng nuôi các con cùng anh. Từ đó xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh M đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh M.

[2.2] *Về con chung*: Theo lời trình bày của chị H và anh M và theo giấy khai sinh có cơ sở xác định trong thời gian chung sống, anh M và chị H có 03 đứa con chung là Thị Ngọc X, sinh ngày 04/9/2010, giới tính nữ; Thị Kim X, sinh ngày 10/11/2015 giới tính nữ và Danh Nguyễn Ngọc T sinh ngày 18/5/2019 giới tính nam; hiện nay các con đang sống chung với anh M. Nay ly hôn chị H thống nhất giao các con cho anh M nuôi dưỡng, anh M thống nhất nuôi dưỡng các con điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thị Ngọc X và chính quyền địa phương cũng xác nhận anh M đủ điều kiện để nuôi con nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 81 (*quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao Thị Ngọc X, sinh ngày 04/9/2010, giới tính nữ; Thị Kim X, sinh ngày 10/11/2015, giới tính nữ và Danh Nguyễn Ngọc T sinh ngày 18/5/2019 giới tính nam cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh M có yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi các con; chị H có ý kiến không đồng ý cấp dưỡng cho các con. Hội đồng xét xử xét thấy anh M cũng chỉ đi làm thuê không có công việc và thu nhập ổn định nên việc anh phải trực tiếp nuôi 03 đứa con thì anh sẽ gặp rất nhiều khó khăn, mặt dù chị H phải đi làm thuê nhưng với trách nhiệm của người mẹ lại không trực tiếp nuôi con nên chị phải có trách nhiệm góp phần của mình để anh M có đủ điều kiện nuôi dưỡng các con được tốt hơn nên áp dụng Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi dưỡng buộc chị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho các con.

Xét mức cấp dưỡng cho các con mà anh M yêu cầu đối với chị H HĐXX xét thấy là chưa phù hợp nên căn cứ vào điều kiện và thu nhập thực tế của chị H thì theo bà B mẹ anh M trình bày chị H phải đi ở trọ và làm thuê nên việc anh M yêu cầu chị phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho một đứa con 1 tháng 2.000.000 đồng tổng mức yêu cầu cho 03 cháu là 6.000.000 đồng/tháng là quá cao trong khi anh trình bày hiện nay mỗi tháng chi phí anh và gia đình bỏ

ra để lo cho các cháu chỉ khoảng 3.000.000 đồng. Từ đó căn cứ vào tình hình thực tế, mức thu nhập của chị H và mức sống hiện tại của các cháu nên HĐXX buộc chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con, mỗi đứa là 800.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 24/02/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi các con và mức cấp dưỡng cho các con theo quy định của pháp luật*).

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh M và chị H xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, tiền án phí cấp dưỡng theo định kỳ 300.000 đồng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H chịu toàn bộ là 600.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009923 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận. Chị H còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Danh M.

2 - Về con chung: Giao các cháu Thị Ngọc X, sinh ngày 04/9/2010, giới tính nữ; Thị Kim X, sinh ngày 10/11/2015, giới tính nữ và Danh Nguyễn Ngọc T sinh ngày 18/5/2019, giới tính nam cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng (Các cháu hiện nay đang sống chung với anh M). Chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị H phải cấp dưỡng cho các con, 01 cháu là 800.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 24/02/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. *(Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi các con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi các con theo quy định của pháp luật).*

4- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh M xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5- Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo định kỳ: Chị Nguyễn Thị Ngọc H chịu 600.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0009923 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận. Chị H còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

6- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/02/2021); đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Vinh
(Đã ký)**